

CHÍNH PHỦ
Số: 44/1998/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng Nghị định này là các doanh nghiệp ghi tại Điều 1 của Luật Doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần tiếp tục nắm giữ 100% vốn đầu tư, được xác định trong Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là cổ phần hóa) nhằm các mục tiêu sau:

- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, tạo thêm việc làm, phát triển doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, thay đổi cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.
- Tạo điều kiện để người lao động trong doanh nghiệp có cổ phần và những người đã góp vốn được làm chủ thực sự; thay đổi phương thức quản lý tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, tăng tài sản Nhà nước, nâng cao thu nhập của người lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

Điều 3.

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài định cư ở Việt Nam đều có quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa.

2. Việc bán cổ phần cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyền sở hữu và mọi quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân mua cổ phần ở các doanh nghiệp cổ phần hóa được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cổ phần được thông báo bán công khai tại doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc bán thông qua các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính và các sở, trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng hết số lao động hiện có tại doanh nghiệp. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt số hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

Điều 7. Cổ phần hóa được tiến hành theo các hình thức sau đây:

1. Giữ nguyên giá trị thuộc vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn để phát triển doanh nghiệp;
2. Bán một phần giá trị thuộc vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp;
3. Tách một bộ phận của doanh nghiệp đủ điều kiện để cổ phần hóa;
4. Bán toàn bộ giá trị hiện có thuộc vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần.

Điều 8. Quyền được mua cổ phần lần đầu khi tiến hành cổ phần hóa.

1. Loại doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt:
 - a) Một pháp nhân được mua không quá 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp;
 - b) Một cá nhân được mua không quá 5% tổng số cổ phần của doanh nghiệp.
2. Loại doanh nghiệp mà Nhà nước không nắm cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt:
 - a) Một pháp nhân được mua không quá 20% tổng số cổ phần của doanh nghiệp;
 - b) Một cá nhân được mua không quá 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp.
3. Loại doanh nghiệp mà Nhà nước không tham gia cổ phần:

Không hạn chế số lượng cổ phần mỗi pháp nhân và cá nhân được mua nhưng phải đảm bảo số cổ đông tối thiểu theo đúng quy định của Luật Công ty.

4. Phần vốn doanh nghiệp đã vay của người lao động trước khi cổ phần hóa nếu người lao động chấp thuận thì được chuyển thành cổ phần của công ty.

5. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh Chống tham nhũng chỉ được mua cổ phần giá ưu đãi không vượt quá mức cổ phần bình quân của các cổ đông trong doanh nghiệp.

Điều 9. Sử dụng tiền bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước:

Số tiền thu được từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi trừ những chi phí cổ phần hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với doanh nghiệp thuộc địa phương) Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp thuộc các Bộ, Tổng cục), Hội đồng quản trị Tổng công ty 91 (đối với các doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty) sử dụng để:

1. Đào tạo, đào tạo lại để giải quyết việc làm mới cho người lao động.
2. Trợ cấp cho số lao động dôi dư.
3. Bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nhà nước cần ưu tiên củng cố và đầu tư cho các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa theo phương án được duyệt.

Điều 10. Bộ Tài chính thống nhất quản lý mẫu in ấn và cung cấp tờ cổ phiếu ở các doanh nghiệp cổ phần hóa; bảo đảm cho các cổ đông nhận được cổ phiếu chậm nhất là 30 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn phát hành của doanh nghiệp cổ phần hóa.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.

NHỮNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI LAO

ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Điều 11. Nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp:

1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp là giá toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa mà người mua, người bán cổ phần đều chấp nhận được. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là giá trị thực tế của doanh nghiệp sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả.

2. Các yếu tố xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp:

a) Số liệu trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa.

b) Giá trị thực tế của tài sản tại doanh nghiệp xác định trên cơ sở hiện trạng về phẩm chất, tính năng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng của người mua tài sản và giá thị trường tại thời điểm cổ phần hóa.

3. Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp về vị trí địa lý, uy tín mặt hàng (nếu có). Lợi thế này thể hiện ở tỷ suất lợi nhuận thực hiện tính trên vốn kinh doanh bình quân 3 năm trước khi cổ phần hóa. Giá trị lợi thế nói trên chỉ tính tối đa 30% vào giá trị thực tế của doanh nghiệp.

Điều 12. Khi xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp không phải nhất thiết thuê kiểm toán độc lập. Những doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê thì cơ quan quyết định giá trị doanh nghiệp xem xét thuê tổ chức kiểm toán độc lập xác định. Tiền thuê kiểm toán được tính vào chi phí cổ phần hóa.

Điều 13. Doanh nghiệp cổ phần hóa được hưởng những ưu đãi như sau:

1. Doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần là hình thức đầu tư mới, được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Trường hợp những doanh nghiệp không đủ điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thì được giảm 50% thuế lợi tức (thuế thu nhập doanh nghiệp) trong 2 năm liên tiếp kể từ sau khi chuyển sang hoạt động theo Luật Công ty.

2. Được miễn lệ phí trước bạ đối với việc chuyển những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa thành sở hữu của Công ty cổ phần.

3. Được tiếp tục vay vốn tại ngân hàng thương mại, công ty tài chính, các tổ chức tín dụng khác của Nhà nước theo cơ chế và lãi suất như đã áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

4. Được tiếp tục xuất nhập khẩu hàng hóa theo các chế độ quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa.

5. Trước khi cổ phần hóa được chủ động sử dụng số dư quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (bằng tiền) chia cho người lao động đang làm việc (không phải nộp thuế thu nhập) để mua cổ phần.

Được duy trì và phát triển quỹ phúc lợi dưới dạng hiện vật, các công trình văn hóa, câu lạc bộ, bệnh xá, nhà điều dưỡng để đảm bảo phúc lợi cho người lao động trong công ty cổ phần.

Những tài sản này thuộc sở hữu của tập thể người lao động do công ty cổ phần quản lý với sự tham gia của tổ chức Công đoàn.

6. Các khoản chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho quá trình chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần được trừ vào tiền bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước theo mức quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp cổ phần hóa theo khoản 1, Điều 7 của Nghị định này thì được sử dụng vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để trang trải.

Điều 14. Người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được hưởng những ưu đãi sau:

1. Được Nhà nước bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp tùy theo năm công tác của từng người. Một năm làm việc cho Nhà nước được mua tối đa 10 cổ phần (trị giá 1 cổ phần: 100.000 đồng) với mức giảm giá 30% so với các đối tượng khác. Tổng giá trị ưu đãi cho người lao động không quá 20% giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Những doanh nghiệp có vốn tự tích lũy từ 40% giá trị doanh nghiệp trở lên thì tổng giá trị ưu đãi cho người lao động không quá 30% giá trị vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trường hợp cổ phần hóa theo khoản 1 Điều 7 của Nghị định này thì giá trị ưu đãi cho người lao động được trừ vào phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

Người lao động sở hữu cổ phần nói trên có quyền chuyển nhượng, để thừa kế và các quyền khác của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty cổ phần.

2. Người lao động nghèo trong doanh nghiệp được mua cổ phần theo giá ưu đãi thì được hoãn trả trong 3 năm đầu để hưởng cổ tức và trả dần tối đa trong 10 năm không phải chịu lãi suất. Số cổ phần mua trả dần dành cho người lao động nghèo không vượt quá 20% tổng số cổ phần Nhà nước bán theo giá ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này. Người sở hữu cổ phần trả dần không được chuyển nhượng khi chưa trả hết tiền cho Nhà nước.

3. Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với những người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính phủ.